

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 641/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 7- 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Kim Yến

Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 932/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970

Địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Diệu N, sinh năm 1971

Địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có mặt, bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông và bà Lê Thị Diệu N tự nguyện chung sống vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 120/2002, quyển số: 01/P13 cấp ngày 28/5/2002. Sau khi kết hôn, hai bên chung

sống tại nhà ông T ở địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống do bà N không tôn trọng, thường xuyên xúc phạm ông, đôi khi còn có hành vi bạo lực đối với ông, ngoài ra bà N ghen tuông, nghi ngờ ông có mối quan hệ không trong sáng làm làm cho cuộc sống gia đình rất căng thẳng, việc chăm sóc gia đình hàng ngày cũng không chu đáo, ông cũng khuyên nhủ nhiều lần nhưng bà N không thay đổi. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn, ông về quê huyện G, tỉnh Long An bị ngã xe, gãy xương chân, phải mổ và điều trị ở bệnh viện từ ngày 25/02/2018 đến ngày 05/3/2018 xuất viện, trong thời gian ông nhập viện, bà N chỉ đưa con vào thăm 02 lần chứ không ở lại chăm sóc, lo lắng cho ông cũng như khi ông về nhà đi lại khó khăn nhưng bà N không giúp đỡ, chia sẻ với ông, ông nhận thấy ông và bà N không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Lê Thanh T1, sinh ngày 25/01/2005. Ly hôn, ông đồng ý giao cho bà N trực tiếp nuôi cháu T1 và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Phía bà N yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng, ông không đồng ý vì hiện tại ông làm nghề sửa xe đạp, thu nhập của ông không ổn định, chỉ khoảng 5.000.000 đồng/tháng, ngoài ra, ông còn bị bệnh tim, dạ dày, suy giảm tĩnh mạch nên chi phí cho tiền thuốc hàng tháng cũng rất tốn kém.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 14/11/2017 bị đơn là bà Lê Thị Diệu N trình bày: Bà xác nhận thời gian chung sống và kết hôn đúng như ông T, quá trình chung sống bà phát hiện những tin nhắn cũng như những cuộc gọi của ông T với người phụ nữ khác, ông T không chung thủy với bà nên từ tháng 4/2017 cả hai đã ly thân, bà khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, hiện nay bà đang sống cùng gia đình chồng, nếu ly hôn thì không có nơi cư trú, mặt khác, hiện tại, con chung của cả hai đang trong giai đoạn học hành và trưởng thành nên cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ. Do vậy, với yêu cầu ly hôn của ông T, bà không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Lê Thanh T1, sinh ngày 25/01/2005. Ly hôn, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T1 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn là ông T trình bày: Về hôn nhân: Ông T yêu cầu được ly hôn với bà N. Về con chung: Có 01 con là Nguyễn Lê Thanh T1, sinh ngày 25/01/2005. Ly hôn, ông T đồng ý giao cháu T1 cho bà N trực tiếp nuôi và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn là bà N vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa: đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, cãi vã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc, không quan tâm, tôn trọng lẫn nhau, xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Về con chung: Ông T đồng ý giao con cho bà N nuôi, nguyện vọng của cháu T1 muốn sống cùng mẹ nên có cơ sở chấp nhận, về mức cấp dưỡng nuôi con: Tổng thu nhập của ông T từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng, ông T đề nghị cấp dưỡng 1.500.000 đồng là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên ông T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, về tài sản chung: không có, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Diệu N, do bà N cư trú tại đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn là bà Lê Thị Diệu N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa cho thấy: Ông T và bà N đăng ký kết hôn năm 2002 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp.

Ông T cho rằng mâu thuẫn giữa hai bên phát sinh từ năm 2012 do bà N không tôn trọng, thường xuyên ghen tuông vô cớ nên cuộc sống gia đình luôn căng thẳng. Khi ông gặp tai nạn giao thông cũng không chăm sóc, giúp đỡ ông nên tình cảm không thể hàn gắn. Phía bà N vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy phía bà N cho rằng ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng không có chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình,

cuộc sống chung hai bên thường xuyên cãi vã, căng thẳng, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T bị tai nạn giao thông nhưng phía bà N cũng không lo lắng, quan tâm, chăm sóc chu đáo, xét thấy giữa hai bên không có sự tôn trọng, yêu thương, chia sẻ với nhau những vấn đề trong cuộc sống, mâu thuẫn giữa đôi bên đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà N.

[5]Về con chung: tại phiên tòa ông Tùng đồng ý giao con là Nguyễn Lê Thanh T1, sinh ngày 25/01/2005 cho bà N nuôi, trong quá trình thu thập chứng cứ phía bà N cũng yêu cầu được nuôi con và tại bản ghi nguyên vọng ngày 16/11/2017, cháu T1 có nguyện vọng muốn được ở với bà N khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu T1 cho bà N trực tiếp nuôi.

- Về mức cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con của cả cha và mẹ, hiện nay, công việc của ông T thu nhập cũng không ổn định, sức khỏe cũng không tốt nên căn cứ vào Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) là phù hợp.

[6]Về tài sản chung: Không có.

[7]Về nợ chung: Không có.

[8]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải nộp án phí 300.000 đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006890 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông T phải nộp là 300.000 đồng.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Diệu N.

2. Về con chung: Ông T có trách nhiệm giao con tên Nguyễn Lê Thanh T1, sinh ngày 25/01/2005 cho bà N trực tiếp nuôi.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Bắt đầu thi hành từ tháng 7/2018 cho đến khi con chung thành niên.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Thanh T nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006890 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông T nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bà N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, TP.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy CNKH số: 120/2002, Quyền số: 01/P3, cấp ngày 28/5/2002;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương